

BIỂU PHÍ THẺ ĐA NĂNG QUỐC TẾ TPBANK VISA FLASH 2IN1

(Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024)

STT	Loại phí	Mức phí (đã bao gồm VAT)	Mức phí tối thiểu
1	Phí phát hành thẻ	Thẻ Chính – chức năng thẻ ghi nợ	69.000 VND
		Thẻ Chính – chức năng thẻ tín dụng	Miễn phí
2	Phí gia hạn thẻ	99.000 VND	
3	Phí thay thế thẻ (cong, gãy, thất lạc)	99.000 VND	
4	Phí dịch vụ chuyển phát nhanh đến địa chỉ KH	22.000 VND	
5	Phí thường niên	Thẻ Chính	99.000 VND
6	Phí cấp lại PIN/ ePIN (*)		
	• Yêu cầu qua TPBank eBank		Miễn phí
	• Yêu cầu qua kênh khác		33.000 VND
7	Phí tra soát (chỉ thu khi KH khiếu nại sai)	220.000 VND	
8	Phí rút tiền mặt tại ATM		
	• Đối với thẻ ghi nợ		
	- Tại ATM TPBank		Miễn phí
	- Tại ATM Ngân hàng khác ở Việt Nam		2.200 VND
	- Tại ATM Ngân hàng khác ngoài Việt Nam	3.19%/ giá trị giao dịch	33.000 VND
• Đối với thẻ tín dụng	4.4%/ giá trị giao dịch	110.000 VND	

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của TPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền TPBank

9	Phí in sao kê tài khoản tại ATM	11.000 VND	
10	Phí vấn tin tài khoản tại ATM		
	<ul style="list-style-type: none"> Tại ATM TPBank Tại ATM Ngân hàng khác 	<p>Miễn phí</p> <p>11.000 VND</p>	
11	Phí giao dịch khác tại ATM	Miễn phí	
12	Phí chuyển đổi giao dịch ngoại tệ (tính theo tỷ giá của tổ chức Visa tại thời điểm giao dịch)	3.3%/ giá trị giao dịch	
13	Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài	1.1%/ giá trị giao dịch	11.000 VND
14	Phí xử lý các giao dịch quốc tế đặc biệt	5.500 VND/ giao dịch	
15	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch	88.000 VND	
16	Phí xác nhận thông tin thẻ	55.000 VND	
17	Phí tắt toán thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	55.000 VND	
18	Phí chậm thanh toán	4.4% / số tiền chậm thanh toán	110.000 VND
19	Phí gửi sao kê hàng tháng qua email	Miễn phí	
20	Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng	110.000 VND	
21	Phí tăng hạn mức tín dụng thẻ tạm thời	110.000 VND	
22	Phí chuyển đổi loại thẻ hoặc hạng thẻ	330.000 VND	

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của TPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền TPBank

23	Phí chuyển đổi giao dịch trả góp	<ul style="list-style-type: none"> 2.99% / giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng 4.99% / giá trị giao dịch trả góp áp dụng kỳ hạn 9 tháng và 12 tháng 	
24	Phí hủy bỏ giao dịch trả góp	2% giá trị giao dịch trả góp còn lại	110.000 VND
25	Phí sử dụng vượt hạn mức tính dụng	110.000 VND	
26	Phí rút tiền thừa từ thẻ tín dụng	3.59% / giá trị giao dịch	110.000 VND
27	Phạt vi phạm quy định giao dịch thẻ	3%/ Tổng các giao dịch vi phạm phát sinh trong kỳ	100.000 VND
28	Lãi suất thẻ tín dụng	38.40%	

Ghi chú:

- Biểu phí đã bao gồm VAT
- Các loại phí không thu VAT bao gồm: Phí thường niên, Phí chậm thanh toán, Phí ứng tiền từ thẻ tín dụng, Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng, Phí tăng hạn mức tín dụng thẻ tạm thời, Phí chuyển đổi giao dịch ngoại tệ, Phí hủy bỏ giao dịch trả góp, Phạt vi phạm quy định giao dịch thẻ
- Phí tắt toán thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở (áp dụng với thẻ chính và thẻ phụ): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi đề nghị TPBank chấm dứt sử dụng thẻ chính hoặc thẻ phụ trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở, tính từ ngày mở thẻ ghi nhận trên hệ thống thẻ của TPBank đến hết ngày TPBank tiếp nhận đề nghị đóng / tắt toán thẻ của Chủ thẻ. Không áp dụng đối với thẻ phụ trong trường hợp thẻ phụ được yêu cầu chấm dứt sử dụng cùng thời điểm với yêu cầu chấm dứt sử dụng thẻ chính.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của TPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền TPBank